

| STT   | Họ tên                    | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng    | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|---------------------------|------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Huỳnh Ngọc Hân            | 10A1 | Vắng có phép             | 10/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Huỳnh Ngọc Hân            | 10A1 | Vắng có phép             | 11/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Nguyễn Anh Khoa           | 10A1 | Vắng có phép             | 10/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Nguyễn Khánh Minh Thiện   | 10A1 | Không Phù hiệu           | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Trần Nguyễn Ngọc Trinh    | 10A1 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Nguyễn Phan Văn Phú Trọng | 10A1 | Vắng có phép             | 12/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 7     | Nguyễn Phan Văn Phú Trọng | 10A1 | Vắng có phép             | 13/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 8     | Trần Thị Hải Vân          | 10A1 | Đi học trễ               | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                           |      |                          |            | -6.00   | -6.00   | 8       |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên               | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng       | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|----------------------|------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Thị Kiều Anh  | 10A2 | Quần áo không đúng quy định | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Nguyễn Phạm Tuấn Anh | 10A2 | Quần áo không đúng quy định | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Nguyễn Phạm Tuấn Anh | 10A2 | Áo ngoài quần               | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Nguyễn Phạm Tuấn Anh | 10A2 | Giày dép                    | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Võ Hoài Bảo          | 10A2 | Quần áo không đúng quy định | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Trần Thị Phương Dung | 10A2 | Đi học trễ                  | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Nguyễn Huỳnh Gia Hân | 10A2 | Đi học trễ                  | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Lê Thị Ngọc Liên     | 10A2 | Vắng có phép                | 11/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 9     | Lê Thị Ngọc Liên     | 10A2 | Vắng có phép                | 12/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 10    | Lê Thị Ngọc Liên     | 10A2 | Vắng có phép                | 13/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 11    | Nguyễn Thiện Nhân    | 10A2 | Quần áo không đúng quy định | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 12    | Nguyễn Hồ Trọng Nhân | 10A2 | Quần áo không đúng quy định | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 13    | Trần Võ Yến Nhi      | 10A2 | Quần áo không đúng quy định | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 14    | Lê Đình Bảo Phúc     | 10A2 | Quần áo không đúng quy định | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 15    | Nguyễn Trọng Thuận   | 10A2 | Quần áo không đúng quy định | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                      |      |                             |            | -24.00  | -24.00  | 15      |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên                     | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng                   | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|----------------------------|------|-----------------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Ngọc Anh            | 10A3 | Mất trật tự                             | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Nguyễn Phúc Gia Bảo        | 10A3 | Đi học trễ                              | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Nguyễn Phúc Gia Bảo        | 10A3 | Mất trật tự                             | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Nguyễn Quốc Chính          | 10A3 | Vắng có phép                            | 09/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Trần Ngọc Duy              | 10A3 | Vắng không phép buổi 2 (chiều)          | 11/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 6     | Trần Ngọc Duy              | 10A3 | Xả rác, không vệ sinh lớp, không đổ rác | 12/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 7     | Nguyễn Ngọc Gia Hân        | 10A3 | Mất trật tự                             | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Võ Phúc Hậu                | 10A3 | Vắng không phép buổi 2 (chiều)          | 13/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 9     | Võ Nguyễn Gia Huy          | 10A3 | Xả rác, không vệ sinh lớp, không đổ rác | 12/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 10    | Nguyễn Khánh Hưng          | 10A3 | Vắng có phép                            | 11/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 11    | Nguyễn Đào Thu Linh        | 10A3 | Đi học trễ                              | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 12    | Nguyễn Ngọc Hà My          | 10A3 | Vắng có phép                            | 10/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 13    | Lê Lâm Tâm Như             | 10A3 | Mất trật tự                             | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 14    | Trần Thiên Phúc            | 10A3 | Đi học trễ                              | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 15    | Trần Nguyễn Ngọc Gia Thuận | 10A3 | Đi học trễ                              | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 16    | Chế Trần Trúc Vy           | 10A3 | Mất trật tự                             | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                            |      |                                         |            | -34.00  | -34.00  | 16      |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên              | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng    | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|---------------------|------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Trần Vũ Duy         | 10A4 | Vắng có phép             | 09/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Thạch Thị Ánh Dương | 10A4 | Đi học trễ               | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Lưu Bùi Quang Đại   | 10A4 | Đi học trễ               | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Lưu Bùi Quang Đại   | 10A4 | Hút thuốc lá             | 09/10/2023 | -15.00  | -15.00  |         |
| 5     | Đặng Thị Minh Hạnh  | 10A4 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Trịnh Khánh Hưng    | 10A4 | Hút thuốc lá             | 09/10/2023 | -15.00  | -15.00  |         |
| 7     | Lai Anh Kiệt        | 10A4 | Đi học trễ               | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Lê Thị Bảo Trâm     | 10A4 | Đi học trễ               | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Tăng Như Yên        | 10A4 | Đi học trễ               | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                     |      |                          |            | -42.00  | -42.00  | 9       |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TĐ | Ghi chú |
|-------|-----------------------|------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Hoàng Hải      | 10A5 | Đi học trễ            | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Trương Ngọc Quỳnh Như | 10A5 | Đi học trễ            | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Nguyễn Kim Thanh      | 10A5 | Mất trật tự           | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Lâm Minh Thư          | 10A5 | Đi học trễ            | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Ngô Thị Cẩm Tiên      | 10A5 | Mất trật tự           | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                       |      |                       |            | -10.00  | -10.00  | 5       |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên                    | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|---------------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Ngọc Đào           | 10A6 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 10/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 2     | Nguyễn Ngọc Đào           | 10A6 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 13/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 3     | Nguyễn Thị Hằng           | 10A6 | Vắng có phép                   | 09/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Nguyễn Huỳnh Nguyên Hương | 10A6 | Vắng có phép                   | 13/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Nguyễn Ngọc Trà My        | 10A6 | Đi học trễ                     | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Nguyễn Thị Ngọc           | 10A6 | Vắng có phép                   | 11/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 7     | Lý Minh Nhựt              | 10A6 | Vắng có phép                   | 10/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 8     | Nguyễn Ngọc Hoài Trang    | 10A6 | Đi học trễ                     | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Nguyễn Ngọc Như Ý         | 10A6 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 13/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 10    | Nguyễn Ngọc Như Ý         | 10A6 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 13/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| Tổng: |                           |      |                                |            | -20.00  | -20.00  | 10      |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên             | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|--------------------|------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Quang Bình  | 10A7 | Vắng có phép          | 10/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Phạm Trung Khải    | 10A7 | Giày dép              | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Phạm Ngọc Linh     | 10A7 | Vắng có phép          | 11/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Nguyễn Bảo Nam     | 10A7 | Vắng có phép          | 12/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Nguyễn Ánh Ngọc    | 10A7 | Vắng có phép          | 10/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 6     | Nguyễn Ánh Ngọc    | 10A7 | Giày dép              | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Trương Thị Thúy Vy | 10A7 | Vắng có phép          | 10/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                    |      |                       |            | -4.00   | -4.00   | 7       |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên               | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TĐ | Ghi chú |
|-------|----------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Trần Hoàng Anh       | 10A8 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 09/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 2     | Trần Minh Hiếu       | 10A8 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 11/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 3     | Trần Minh Hùng       | 10A8 | Giày dép                       | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Hồ Quang Minh        | 10A8 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 10/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 5     | Hồ Quang Minh        | 10A8 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 10/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 6     | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm | 10A8 | Mang nước, đồ ăn lên lớp       | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                      |      |                                |            | -20.00  | -20.00  | 6       |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023



| STT   | Họ tên            | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-------------------|------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Võ Quế Anh | 10A9 | Vắng có phép          | 09/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Lê Xuân Dũng      | 10A9 | Hút thuốc lá          | 11/10/2023 | -15.00  | -15.00  |         |
| 3     | Nguyễn Thanh Đồng | 10A9 | Đi học trễ            | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Đặng Đức Huy      | 10A9 | Đi học trễ            | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Nguyễn Hoàng Sang | 10A9 | Không Phù hiệu        | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Nguyễn Thành Tài  | 10A9 | Đi học trễ            | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                   |      |                       |            | -23.00  | -23.00  | 6       |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

THỐNG KÊ CÁC LỖI VI PHẠM CỦA HỌC SINH

| STT   | Họ tên              | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng       | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|---------------------|-------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Lê Đức Quốc Bảo     | 10A10 | Vắng có phép                | 12/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Lê Đức Quốc Bảo     | 10A10 | Giày dép                    | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Trần Trung Dữ       | 10A10 | Đi học trễ                  | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Trần Trung Dữ       | 10A10 | Đi học trễ                  | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Phạm Quốc Đạt       | 10A10 | Đi học trễ                  | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Phạm Quốc Đạt       | 10A10 | Giày dép                    | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Đoàn Anh Khoa       | 10A10 | Giày dép                    | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Đặng Quốc Kiệt      | 10A10 | Vắng có phép                | 12/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 9     | Phạm Thị Tuyết Nghi | 10A10 | Quần áo không đúng quy định | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Lê Vũ Thịnh Phát    | 10A10 | Giày dép                    | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 11    | Lâm Minh Sang       | 10A10 | Giày dép                    | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                     |       |                             |            | -18.00  | -18.00  | 11      |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TĐ | Ghi chú |
|-------|-----------------------|-------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Thiều Quang Tuấn Anh  | 10A11 | Mất trật tự           | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Lê Bảo Hoàng          | 10A11 | Giày dép              | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Phan Thị Kim Hồng     | 10A11 | Vắng có phép          | 09/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Nguyễn Ngọc Đăng Khoa | 10A11 | Vắng có phép          | 13/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Nguyễn Ngọc Đăng Khoa | 10A11 | Giày dép              | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Trần Thụy Yến Nhi     | 10A11 | Đi học trễ            | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Phạm Tài Phát         | 10A11 | Đi học trễ            | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Phạm Tài Phát         | 10A11 | Đi học trễ            | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Đỗ Đình Sang          | 10A11 | Giày dép              | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                       |       |                       |            | -14.00  | -14.00  | 9       |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên               | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|----------------------|-------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Trần Thế Anh         | 10A12 | Giày dép                       | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Đỗ Gia Bảo           | 10A12 | Đi học trễ                     | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Đỗ Gia Bảo           | 10A12 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Đỗ Lê Thiên Bảo      | 10A12 | Đi học trễ                     | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Đàm Ngọc Linh        | 10A12 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Nguyễn Hoài Nam      | 10A12 | Đi học trễ                     | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Nguyễn Huy Nghĩa     | 10A12 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Nguyễn Sỹ Nghiêm     | 10A12 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Nguyễn Hồ Duy Nguyên | 10A12 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Nguyễn Thanh Nhân    | 10A12 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 11    | Lê Quỳnh Như         | 10A12 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 12    | Trần Tuyết Như       | 10A12 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 13    | Nguyễn Lê Gia Phước  | 10A12 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 14    | Lê Trí Tài           | 10A12 | Đi học trễ                     | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 15    | Nguyễn Quốc Thái     | 10A12 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 16    | Lê Nguyễn Minh Thư   | 10A12 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 13/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 17    | Lê Nguyễn Minh Thư   | 10A12 | Vắng có phép                   | 11/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 18    | Vũ Hoàng Minh Tú     | 10A12 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                      |       |                                |            | -36.00  | -36.00  | 18      |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng                   | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|-----------------------|-------|-----------------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Tôn Nguyễn Khánh Đông | 10A13 | Vắng có phép                            | 10/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Nguyễn Trúc Lê        | 10A13 | Xả rác, không vệ sinh lớp, không đổ rác | 11/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 3     | Nguyễn Trúc Lê        | 10A13 | Không chấp hành kỷ luật                 | 11/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 4     | Phan Thị Tuyết Ngọc   | 10A13 | Xả rác, không vệ sinh lớp, không đổ rác | 11/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 5     | Phan Thị Tuyết Ngọc   | 10A13 | Không chấp hành kỷ luật                 | 11/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 6     | Phạm Minh Yến Thy     | 10A13 | Xả rác, không vệ sinh lớp, không đổ rác | 11/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 7     | Phạm Minh Yến Thy     | 10A13 | Không chấp hành kỷ luật                 | 11/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 8     | Nguyễn Lê Gia Vy      | 10A13 | Nhuộm tóc                               | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Nguyễn Thị Thảo Vy    | 10A13 | Xả rác, không vệ sinh lớp, không đổ rác | 11/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 10    | Nguyễn Thị Thảo Vy    | 10A13 | Không chấp hành kỷ luật                 | 11/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| Tổng: |                       |       |                                         |            | -34.00  | -34.00  | 10      |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên               | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng       | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|----------------------|-------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Huỳnh Duy     | 10A14 | Đi học trễ                  | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Phan Trung Hiếu      | 10A14 | Mất trật tự                 | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Huỳnh Trần Diễm Phúc | 10A14 | Vắng có phép                | 09/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Vũ Đình Triết        | 10A14 | Giày dép                    | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Dương Hải Yến        | 10A14 | Quần áo không đúng quy định | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                      |       |                             |            | -8.00   | -8.00   | 5       |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên                  | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TĐ | Ghi chú |
|-------|-------------------------|------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Trung Đoàn       | 11A1 | Giày dép              | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Nguyễn Thị Quỳnh Như    | 11A1 | Đi học trễ            | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Trương Văn Thọ          | 11A1 | Đi học trễ            | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Nguyễn Thị Thanh Thủy   | 11A1 | Đi học trễ            | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Nguyễn Trần Phương Trúc | 11A1 | Đi học trễ            | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                         |      |                       |            | -10.00  | -10.00  | 5       |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên               | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng         | Ngày       | Điểm HK | Điểm TĐ | Ghi chú |
|-------|----------------------|------|-------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Dương Ngọc Ánh       | 11A2 | Vắng có phép                  | 09/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Nguyễn Thị Trúc Dung | 11A2 | Vắng không phép buổi 1 (sáng) | 10/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 3     | Nguyễn Thị Khánh Đào | 11A2 | Giày dép                      | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Bùi Nhã Linh         | 11A2 | Vắng không phép buổi 1 (sáng) | 10/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 5     | Đặng Nguyễn Quỳnh    | 11A2 | Vắng không phép buổi 1 (sáng) | 10/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 6     | Nguyễn Tấn Tài       | 11A2 | Không Phù hiệu                | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Nguyễn Tấn Tài       | 11A2 | Áo ngoài quần                 | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Lê Thị Hồng Thơ      | 11A2 | Son môi                       | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                      |      |                               |            | -20.00  | -20.00  | 8       |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023



| STT   | Họ tên                  | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-------------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Phạm Vũ Anh             | 11A3 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 13/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 2     | Phạm Vũ Anh             | 11A3 | Vắng có phép                   | 12/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Lâm Quốc Bảo            | 11A3 | Không Phù hiệu                 | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Lâm Quốc Bảo            | 11A3 | Không Phù hiệu                 | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Trần Ngọc Diệu          | 11A3 | Đi học trễ                     | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Nguyễn Thị Trúc Đào     | 11A3 | Đi học trễ                     | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Nguyễn Ngọc Quỳnh Giang | 11A3 | Vắng có phép                   | 11/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 8     | Phạm Bảo Long           | 11A3 | Giày dép                       | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Cao Tuệ Mẫn             | 11A3 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 13/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 10    | Nguyễn Minh Nhật        | 11A3 | Vắng có phép                   | 11/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 11    | Trần Yến Nhi            | 11A3 | Đi học trễ                     | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 12    | Nguyễn Thái Bích Tuyền  | 11A3 | Vắng có phép                   | 09/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 13    | Lê Đặng Ngọc Vy         | 11A3 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 13/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 14    | Nguyễn Huỳnh Phương Vy  | 11A3 | Đi học trễ                     | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 15    | Trần Thanh Vy           | 11A3 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 11/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 16    | Võ Thị Tường Vy         | 11A3 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 13/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 17    | Võ Thị Tường Vy         | 11A3 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 13/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| Tổng: |                         |      |                                |            | -38.00  | -38.00  | 17      |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên               | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|----------------------|------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Thành Đạt     | 11A4 | Đi học trễ            | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Trần Hải Đăng        | 11A4 | Hút thuốc lá          | 09/10/2023 | -15.00  | -15.00  |         |
| 3     | Võ Trần Hoài         | 11A4 | Vắng có phép          | 13/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Võ Trần Hoài         | 11A4 | Hút thuốc lá          | 09/10/2023 | -15.00  | -15.00  |         |
| 5     | Võ Trần Anh Khoa     | 11A4 | Đi học trễ            | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Võ Trần Anh Khoa     | 11A4 | Hút thuốc lá          | 09/10/2023 | -15.00  | -15.00  |         |
| 7     | Phạm Đình Ngọc Linh  | 11A4 | Đi học trễ            | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Hoàng Phương Nam     | 11A4 | Đi học trễ            | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Hoàng Phương Nam     | 11A4 | Áo ngoài quần         | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Lý Kim Ngân          | 11A4 | Vắng có phép          | 13/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 11    | Nguyễn Thị Thi Thi   | 11A4 | Đi học trễ            | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 12    | Nguyễn Ngọc Minh Thư | 11A4 | Đi học trễ            | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 13    | Bùi Minh Trí         | 11A4 | Hút thuốc lá          | 09/10/2023 | -15.00  | -15.00  |         |
| Tổng: |                      |      |                       |            | -74.00  | -74.00  | 13      |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên               | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|----------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Phan Thị Thanh Hằng  | 11A5 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 11/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 2     | Phan Thị Thanh Hằng  | 11A5 | Vắng có phép                   | 10/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Nguyễn Quốc Huy      | 11A5 | Giày dép                       | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Nguyễn Thị Bích Ngọc | 11A5 | Không Phù hiệu                 | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Hồ Thị Hồng Ngọc     | 11A5 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Hồ Thị Hồng Ngọc     | 11A5 | Giày dép                       | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Huỳnh Ngọc Yến Nhi   | 11A5 | Vắng có phép                   | 10/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 8     | Trần Nguyễn Tâm Như  | 11A5 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Lê Đình Thanh Phong  | 11A5 | Quần áo không đúng quy định    | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Phạm Xuân Phú        | 11A5 | Đi học trễ                     | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 11    | Trần Bảo Tuyết Vi    | 11A5 | Quần áo không đúng quy định    | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                      |      |                                |            | -20.00  | -20.00  | 11      |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên                  | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|-------------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Lê Hoàng Anh Đức        | 11A6 | Không Phù hiệu                 | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Lê Hoàng Anh Đức        | 11A6 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Đặng Đình Nguyên        | 11A6 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 13/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 4     | Vũ Thị Yến Nhi          | 11A6 | Vắng có phép                   | 11/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Nguyễn Thị Tuyết Phương | 11A6 | Đi học trễ                     | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                         |      |                                |            | -10.00  | -10.00  | 5       |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên            | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Trần Thị Ngọc Ánh | 11A7 | Vắng có phép                   | 09/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Trần Thị Ngọc Ánh | 11A7 | Mất trật tự                    | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Trần Gia Hà       | 11A7 | Giày dép                       | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Lê Thị Hồng Hoa   | 11A7 | Mất trật tự                    | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Phan Kiều Linh    | 11A7 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 10/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 6     | Nguyễn Thảo My    | 11A7 | Vắng có phép                   | 13/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 7     | Phan Ngọc Ti Na   | 11A7 | Mất trật tự                    | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Trương Ánh Ngọc   | 11A7 | Giày dép                       | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Nguyễn Hồng Ngọc  | 11A7 | Mất trật tự                    | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Dương Kim Tấn     | 11A7 | Giày dép                       | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 11    | Huỳnh Sơn Trà     | 11A7 | Vắng có phép                   | 13/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 12    | Nguyễn Ngọc Vy Vy | 11A7 | Mất trật tự                    | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                   |      |                                |            | -20.00  | -20.00  | 12      |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên                 | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TĐ | Ghi chú |
|-------|------------------------|------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Tô Thị Mỹ Chi          | 11A8 | Vắng có phép          | 12/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Tô Thị Mỹ Chi          | 11A8 | Vắng có phép          | 13/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Lê Ngọc Diệp           | 11A8 | Vắng có phép          | 11/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Nguyễn Khánh Duy       | 11A8 | Vắng có phép          | 12/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Đào Nguyễn Gia Hy      | 11A8 | Vắng có phép          | 12/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 6     | Huỳnh Tấn Khang        | 11A8 | Vắng có phép          | 12/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 7     | Đoàn Hùng Gia Kiệt     | 11A8 | Vắng có phép          | 12/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 8     | Đoàn Hùng Gia Kiệt     | 11A8 | Vắng có phép          | 13/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 9     | Nguyễn Thị Minh Nguyệt | 11A8 | Vắng có phép          | 12/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 10    | Nguyễn Thị Minh Nguyệt | 11A8 | Vắng có phép          | 13/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 11    | Huỳnh Thị Quỳnh Như    | 11A8 | Vắng có phép          | 12/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 12    | Trần Thế Toàn          | 11A8 | Vắng có phép          | 12/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 13    | Trần Thế Toàn          | 11A8 | Vắng có phép          | 13/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                        |      |                       |            | 0.00    | 0.00    | 13      |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|-----------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Thị Thúy An    | 11A9 | Vắng có phép                   | 09/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Nguyễn Thị Thúy An    | 11A9 | Vắng có phép                   | 10/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Lê Thị Thảo Hiền      | 11A9 | Vắng có phép                   | 10/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Đỗ Thị Thu Hiền       | 11A9 | Vắng có phép                   | 12/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Trương Gia Huy        | 11A9 | Vắng có phép                   | 10/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 6     | Nguyễn Thị Thu Mai    | 11A9 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 13/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 7     | Nguyễn Thị Thu Mai    | 11A9 | Vắng có phép                   | 09/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 8     | Nguyễn Kim Ngân       | 11A9 | Vắng có phép                   | 13/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 9     | Phạm Ngọc Thảo Ngân   | 11A9 | Vắng có phép                   | 09/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 10    | Nguyễn Duy Tài        | 11A9 | Đi học trễ                     | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 11    | Tạ Thành Tâm          | 11A9 | Vắng có phép                   | 09/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 12    | Nguyễn Lê Chí Thành   | 11A9 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 11/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 13    | Nguyễn Lê Chí Thành   | 11A9 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 13/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 14    | Nguyễn Lê Chí Thành   | 11A9 | Áo ngoài quần                  | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 15    | Nguyễn Lê Chí Thành   | 11A9 | Giày dép                       | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 16    | Bùi Đặng Thanh Thảo   | 11A9 | Vắng có phép                   | 11/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 17    | Hà Thanh Toàn         | 11A9 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 09/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 18    | Phí Vũ Đoan Trang     | 11A9 | Vắng có phép                   | 09/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 19    | Phí Vũ Đoan Trang     | 11A9 | Quần áo không đúng quy định    | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 20    | Phạm Ngọc Thùy Trang  | 11A9 | Vắng có phép                   | 13/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 21    | Nguyễn Như Trường     | 11A9 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 09/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 22    | Nguyễn Như Trường     | 11A9 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 10/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 23    | Phan Nguyễn Trúc Uyên | 11A9 | Vắng có phép                   | 09/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 24    | Nguyễn Phú Vinh       | 11A9 | Áo ngoài quần                  | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 25    | Nguyễn Phú Vinh       | 11A9 | Giày dép                       | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 26    | Nguyễn Phú Vinh       | 11A9 | Giày dép                       | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                       |      |                                |            | -38.00  | -38.00  | 26      |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên              | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TĐ | Ghi chú |
|-------|---------------------|-------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Phạm Phương Kỳ Anh  | 11A10 | Không Phù hiệu                 | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Phạm Phương Kỳ Anh  | 11A10 | Vắng có phép                   | 09/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Phạm Phương Kỳ Anh  | 11A10 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Phạm Minh Hoài      | 11A10 | Vắng có phép                   | 09/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Lê Phong Thanh Hoài | 11A10 | Đi học trễ                     | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Lê Nhật Phương Lan  | 11A10 | Vắng có phép                   | 13/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 7     | Châu Gia Tường      | 11A10 | Đi học trễ                     | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Nguyễn Phương Uyên  | 11A10 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 09/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 9     | Trần Quốc Vinh      | 11A10 | Vắng có phép                   | 13/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                     |       |                                |            | -12.00  | -12.00  | 9       |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023



| STT   | Họ tên             | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TĐ | Ghi chú |
|-------|--------------------|-------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Lý Hiếu Bình       | 11A11 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Huỳnh Thị Mỹ Kim   | 11A11 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Huỳnh Anh Thư      | 11A11 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 09/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 4     | Huỳnh Anh Thư      | 11A11 | Mang nước, đồ ăn lên lớp       | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Huỳnh Anh Thư      | 11A11 | Áo ngoài quần                  | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Vũ Nguyễn Minh Thư | 11A11 | Đi học trễ                     | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Vũ Nguyễn Minh Thư | 11A11 | Giày dép                       | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Võ Thị Thanh Tiên  | 11A11 | Vắng có phép                   | 13/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 9     | Lê Thị Yến Trang   | 11A11 | Mất trật tự                    | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Nguyễn Thị Yến Vy  | 11A11 | Giày dép                       | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                    |       |                                |            | -20.00  | -20.00  | 10      |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên               | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng                   | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|----------------------|-------|-----------------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Hoàng Thị Thúy Hằng  | 11A12 | Xả rác, không vệ sinh lớp, không đổ rác | 12/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 2     | Nguyễn Ngọc Hoài Lam | 11A12 | Vắng có phép                            | 12/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Nguyễn Ngọc Hoài Lam | 11A12 | Vắng có phép                            | 13/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Võ Gia Như Ngọc      | 11A12 | Xả rác, không vệ sinh lớp, không đổ rác | 12/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 5     | Võ Trọng Nhân        | 11A12 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)           | 13/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 6     | Phạm Hoàng Phi       | 11A12 | Vắng có phép                            | 09/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 7     | Lê Khánh Quỳnh       | 11A12 | Vắng có phép                            | 13/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 8     | Nguyễn Thị Kim Thơ   | 11A12 | Vắng có phép                            | 11/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 9     | Lê Trần Thế Vinh     | 11A12 | Xả rác, không vệ sinh lớp, không đổ rác | 12/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| Tổng: |                      |       |                                         |            | -16.00  | -16.00  | 9       |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên              | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TĐ | Ghi chú |
|-------|---------------------|-------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Võ Khánh Hưng       | 11A13 | Đi học trễ                     | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Lê Nguyễn Hồng Ngọc | 11A13 | Đi học trễ                     | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Lâm Thị Như Ngọc    | 11A13 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 12/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 4     | Trương Bảo Nhi      | 11A13 | Vắng có phép                   | 13/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Dương Thiên Phúc    | 11A13 | Đi học trễ                     | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Dương Thiên Phúc    | 11A13 | Giày dép                       | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Huỳnh Thụy Như Ý    | 11A13 | Vắng có phép                   | 12/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                     |       |                                |            | -12.00  | -12.00  | 7       |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên              | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|---------------------|------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Thúy Anh     | 12A1 | Đi học trễ            | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Nguyễn Thị Xuân Ánh | 12A1 | Vắng có phép          | 11/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Lý Phan Minh Thương | 12A1 | Áo ngoài quần         | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                     |      |                       |            | -4.00   | -4.00   | 3       |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên              | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|---------------------|------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Trần Nam An         | 12A2 | Vắng có phép          | 11/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Trần Nam An         | 12A2 | Vắng có phép          | 12/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Trần Nam An         | 12A2 | Vắng có phép          | 13/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Nguyễn Quốc An      | 12A2 | Đi học trễ            | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Trần Ngọc Hân       | 12A2 | Vắng có phép          | 10/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 6     | Trần Ngọc Hân       | 12A2 | Vắng có phép          | 12/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 7     | Nguyễn Hữu Vũ Quang | 12A2 | Đi học trễ            | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Nguyễn Hữu Vũ Quang | 12A2 | Vắng có phép          | 09/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 9     | Hứa Nhất Thiên      | 12A2 | Vắng có phép          | 10/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 10    | Phan Thái Toàn      | 12A2 | Đi học trễ            | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 11    | Lê Đình Trí         | 12A2 | Vắng có phép          | 09/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 12    | Phan Thành Việt     | 12A2 | Đi học trễ            | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                     |      |                       |            | -8.00   | -8.00   | 12      |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên        | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|---------------|------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Phạm Văn Kiệt | 12A3 | Đi học trễ            | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |               |      |                       |            | -2.00   | -2.00   | 1       |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

THỐNG KÊ CÁC LỖI VI PHẠM CỦA HỌC SINH

| STT   | Họ tên               | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng       | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|----------------------|------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Lê Hưng              | 12A4 | Đi học trễ                  | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Nguyễn Quốc Khánh    | 12A4 | Vắng có phép                | 13/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Lê Hoàng Phúc        | 12A4 | Đi học trễ                  | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Lê Hoàng Phúc        | 12A4 | Quần áo không đúng quy định | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Lê Hoàng Phúc        | 12A4 | Quần áo không đúng quy định | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Phan Hữu Quốc        | 12A4 | Không chấp hành kỷ luật     | 10/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 7     | Phan Hữu Quốc        | 12A4 | Áo ngoài quần               | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Nguyễn Thị Mỹ Quyên  | 12A4 | Quần áo không đúng quy định | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Nguyễn Thị Tố Quyên  | 12A4 | Quần áo không đúng quy định | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Nguyễn Ngọc Minh Thư | 12A4 | Vắng có phép                | 12/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 11    | Nguyễn Quốc Việt     | 12A4 | Quần áo không đúng quy định | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                      |      |                             |            | -20.00  | -20.00  | 11      |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên            | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng       | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-------------------|------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Phương Anh | 12A5 | Quần áo không đúng quy định | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Phan Văn Đạt      | 12A5 | Giày dép                    | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Phạm Quang Huy    | 12A5 | Giày dép                    | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Lê Thị Kim Ngân   | 12A5 | Đi học trễ                  | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Lý Thị Thu Thảo   | 12A5 | Không Phù hiệu              | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                   |      |                             |            | -10.00  | -10.00  | 5       |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023



| STT   | Họ tên             | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|--------------------|------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Thân Hoàng Ánh     | 12A6 | Vắng có phép          | 10/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Trần Ngọc Giáng Mi | 12A6 | Vắng có phép          | 12/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Nguyễn Văn Tuấn    | 12A6 | Đi học trễ            | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                    |      |                       |            | -2.00   | -2.00   | 3       |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng                   | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|-----------------------|------|-----------------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Phạm Trọng Duy        | 12A7 | Quần áo không đúng quy định             | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Trịnh Thị Mai Hương   | 12A7 | Không Phù hiệu                          | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Trịnh Thị Mai Hương   | 12A7 | Áo ngoài quần                           | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Nguyễn Thị Thanh Mai  | 12A7 | Quần áo không đúng quy định             | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Đặng Hoàng Mỹ Ngọc    | 12A7 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)           | 13/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 6     | Giang Ngọc Hải Nhi    | 12A7 | Vắng có phép                            | 09/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 7     | Giang Ngọc Hải Nhi    | 12A7 | Xả rác, không vệ sinh lớp, không đổ rác | 11/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 8     | Giang Ngọc Hải Nhi    | 12A7 | Không chấp hành kỷ luật                 | 11/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 9     | Giang Ngọc Hải Nhi    | 12A7 | Quần áo không đúng quy định             | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Giang Ngọc Hải Nhi    | 12A7 | Giày dép                                | 09/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 11    | Trần Nguyễn Quỳnh Như | 12A7 | Áo ngoài quần                           | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 12    | Âu Lê Phương Thùy     | 12A7 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)           | 10/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 13    | Âu Lê Phương Thùy     | 12A7 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)           | 13/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 14    | Nguyễn Thị Cẩm Tiên   | 12A7 | Xả rác, không vệ sinh lớp, không đổ rác | 11/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 15    | Nguyễn Thị Cẩm Tiên   | 12A7 | Không chấp hành kỷ luật                 | 11/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| Tổng: |                       |      |                                         |            | -42.00  | -42.00  | 15      |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên              | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng       | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|---------------------|------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Lê Hoàng Đô         | 12A8 | Đi học trễ                  | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Nguyễn Hoàng Lâm    | 12A8 | Đi học trễ                  | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Nguyễn Hoàng Lâm    | 12A8 | Vắng có phép                | 11/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Lê Duy Mạnh         | 12A8 | Đi học trễ                  | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Lê Thị Thu Thủy     | 12A8 | Đi học trễ                  | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Lê Thị Thu Thủy     | 12A8 | Giày dép                    | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Nguyễn Thị Mai Trúc | 12A8 | Quần áo không đúng quy định | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                     |      |                             |            | -12.00  | -12.00  | 7       |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên                 | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TĐ | Ghi chú |
|-------|------------------------|------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Danh Thị Khánh Linh    | 12A9 | Không Phù hiệu        | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Danh Thị Khánh Linh    | 12A9 | Vắng có phép          | 10/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Danh Thị Khánh Linh    | 12A9 | Vắng có phép          | 11/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Võ Hoàng Phương Nguyên | 12A9 | Vắng có phép          | 09/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                        |      |                       |            | -2.00   | -2.00   | 4       |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-----------------------|-------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Võ Văn Anh            | 12A10 | Đi học trễ                     | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Võ Văn Anh            | 12A10 | Không Phù hiệu                 | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Võ Văn Anh            | 12A10 | Đeo nhiều bông tai,khuyên mũi  | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Phan Chi Dung         | 12A10 | Quần áo không đúng quy định    | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Phạm Trường Giang     | 12A10 | Không Phù hiệu                 | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Phạm Trường Giang     | 12A10 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 10/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 7     | Vũ Thị Ánh Hồng       | 12A10 | Không Phù hiệu                 | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Vũ Thị Ánh Hồng       | 12A10 | Đeo nhiều bông tai,khuyên mũi  | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Hứa Nguyễn Anh Khoa   | 12A10 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Lê Uyên Ly            | 12A10 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 11    | Trần Sơn Nam          | 12A10 | Giày dép                       | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 12    | Nguyễn Trọng Nam      | 12A10 | Quần áo không đúng quy định    | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 13    | Nguyễn Trọng Nam      | 12A10 | Áo ngoài quần                  | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 14    | Hà Phan Tín Nghĩa     | 12A10 | Vắng có phép                   | 12/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 15    | Mai Thị Thúy Quyền    | 12A10 | Đi học trễ                     | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 16    | Đồng Tấn Sơn          | 12A10 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 17    | Nguyễn Văn Thái       | 12A10 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 18    | Nguyễn Trần Thủy Tiên | 12A10 | Vắng có phép                   | 10/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 19    | Nguyễn Phi Yến        | 12A10 | Vắng có phép                   | 09/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                       |       |                                |            | -34.00  | -34.00  | 19      |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên            | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|-------------------|-------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Bùi Anh Duy       | 12A11 | Vắng có phép                   | 13/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Nguyễn Tấn Đạt    | 12A11 | Đi học trễ                     | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Nguyễn Tấn Đạt    | 12A11 | Áo ngoài quần                  | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Nguyễn Đức Huy    | 12A11 | Vắng có phép                   | 10/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Lê Sun Hy         | 12A11 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Lâm Nhật Khang    | 12A11 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Đinh Trọng Lộc    | 12A11 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Võ Nhật Phong     | 12A11 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Tăng Thị Tường Vy | 12A11 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 13/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 10    | Tăng Thị Tường Vy | 12A11 | Vắng có phép                   | 10/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                   |       |                                |            | -16.00  | -16.00  | 10      |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|-----------------------|-------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Lê Duy         | 12A12 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Đinh Nguyễn Kim Hằng  | 12A12 | Đi học trễ                     | 12/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Đinh Nguyễn Kim Hằng  | 12A12 | Đi học trễ                     | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Phạm Quang Hiếu       | 12A12 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Nguyễn Đức Xuân Khoa  | 12A12 | Giày dép                       | 10/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Huỳnh Tấn Lộc         | 12A12 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Nguyễn Trà My         | 12A12 | Áo ngoài quần                  | 11/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Nguyễn Thị Thúy Ngân  | 12A12 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Nguyễn Minh Nghĩa     | 12A12 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Lê Hiền Phúc          | 12A12 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 11    | Nguyễn Quang Thiện    | 12A12 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 12    | Lê Hiền Thuận         | 12A12 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 13    | Nguyễn Ngọc Minh Thư  | 12A12 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 14    | Lê Thị Minh Thư       | 12A12 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 15    | Nguyễn Phước Ngọc Thư | 12A12 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 13/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 16    | Trần Khánh Vinh       | 12A12 | Vắng có phép                   | 10/10/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 17    | Nguyễn Trường Vũ      | 12A12 | Đi học trễ                     | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 18    | Nguyễn Trường Vũ      | 12A12 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 12/10/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 19    | Đặng Ngọc Như Ý       | 12A12 | Quần áo không đúng quy định    | 13/10/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                       |       |                                |            | -40.00  | -40.00  | 19      |

, ngày 14 tháng 10 năm 2023